

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ THỂ THAO AKINA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ THỂ THAO AKINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AKINA SPORTS EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TT AKINA .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109583222

3. Ngày thành lập: 07/04/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 20 ngõ 176 Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0965225319

Fax:

Email: nhathongceo02091994@gmail.com Website: com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
2.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: - Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm. - Hoạt động công nghiệp phần cứng - Hoạt động công nghiệp phần mềm - Hoạt động công nghiệp nội dung	6209
3.	Quảng cáo	7310
4.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
5.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
6.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
7.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
8.	Lập trình máy vi tính	6201
9.	Xuất bản phần mềm	5820
10.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video	5911
11.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
12.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
13.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
14.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
15.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
17.	Bán buôn tổng hợp	4690
18.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
19.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
20.	Hoạt động hậu kỳ	5912
21.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
22.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
23.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	6399
24.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
25.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
26.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
27.	Đào tạo sơ cấp	8531
28.	Đào tạo trung cấp	8532
29.	Đào tạo cao đẳng	8533
30.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
31.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Đại lý dịch vụ viễn thông; - Cung cấp dịch vụ viễn thông - Dịch vụ viễn thông cơ bản gồm: Dịch vụ thoại; Dịch vụ fax; Dịch vụ truyền số liệu; Dịch vụ truyền hình ảnh; Dịch vụ nhắn tin; Dịch vụ hội nghị truyền hình; Dịch vụ kênh thuê riêng; Dịch vụ kết nối Internet; - Dịch vụ viễn thông gia trị gia tăng gồm: Dịch vụ thư điện tử; Dịch vụ thư thoại; Dịch vụ fax gia tăng giá trị; Dịch vụ truy cập Internet - Cung cấp dịch vụ Internet - Kinh doanh dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động; - Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; - Thiết lập mạng xã hội; - Dịch vụ ứng cứu sự cố mạng; - Truyền đưa thông tin số	6190
32.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552

33.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
34.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
35.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	8299
36.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
37.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649(Chính)
38.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
39.	Hoạt động thể thao khác	9319
40.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
41.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
42.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
43.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
44.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
45.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa - Sản xuất bao bì bằng giấy bìa - Sản xuất giấy nhẵn và bìa nhẵn	1702
46.	In ấn	1811
47.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
48.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
49.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
50.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
51.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
52.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620

53.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
54.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
55.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác	3100
56.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
57.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
58.	Sản xuất nhạc cụ	3220
59.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
60.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
61.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
62.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HÀ GIANG NAM	Tập thể K612, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	50,000	0250860003 47	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	50,000		

2	ĐỖ VĂN LINH	Thôn Ải, Xã Phượng Sơn, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	30,000	122347539	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	30.000	300.000.000	30,000		
3	TẠ THỊ PHƯƠNG OANH	Thôn Hậu, Xã Yên Thái, Huyện Yên Mô, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20,000	164598545	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	20.000	200.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HÀ GIANG NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 29/01/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 025086000347

Ngày cấp: 31/05/2017

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tập thể K612, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tập thể K612, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội